

Số: /KH-SGDĐT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng lộ trình năm 2025 và những năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng 2030; Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực hiện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo;

Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng lộ trình năm 2025 và những năm tiếp theo như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

b) Thực hiện kịp thời và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao trong

năm 2025 tại Kế hoạch số 16/KH-UBND và các Kế hoạch khác có liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tương xứng với điều kiện nguồn lực của Sở GDĐT.

2. Yêu cầu

a) Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo thành phố phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia của thành phố; triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm và bảo đảm hiệu quả, lấy người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số.

b) Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tạo điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố.

c) Thực hiện đủ các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch 16/KH-UBND và các Kế hoạch khác có liên quan phù hợp với yêu cầu đặt ra theo qui định và nguồn lực của ngành GDĐT; đảm bảo đúng tiến độ, đúng qui định hiện hành, khách quan, công khai và hiệu quả;

d) Bám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các nhiệm vụ; giải pháp trọng tâm tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo liên quan của Thành uỷ, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

e) Các phòng thuộc Sở, các Phòng GDĐT quận/huyện¹, các cơ sở giáo dục², các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị khác có liên quan thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; tham gia, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai để Kế hoạch diễn ra đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng với cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) hiện đại tập trung, thông tin tích hợp thống nhất, hành chính liên thông, tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển chính quyền số, Chính phủ số; đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo trong thời kỳ mới phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

¹ Bao gồm thành phố Thủy Nguyên;

² Bao gồm các cơ sở giáo dục Mầm non, Phổ thông và Thường xuyên;

2. Mục tiêu năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 90% học sinh, học viên, sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

- + Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 70% học sinh sử dụng;

- + Hình thành kho học liệu trực tuyến của thành phố (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

- + Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 15% ở cấp tiểu học, 30% ở cấp trung học;

- Triển khai các chương trình giáo dục số phù hợp với xu thế cuộc cách mạng công nghệ 4.0

- + Tăng cường triển khai các chương trình giáo dục số phù hợp với xu thế Cách mạng công nghiệp 4.0, lấy Trí tuệ nhân tạo (AI) làm trọng tâm nhằm nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ của giáo viên, cá nhân hóa việc học cho học sinh, và xây dựng môi trường giáo dục thông minh.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

- + 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Tiếp tục triển khai sử dụng Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT thiết lập và cập nhật, khai thác hiệu quả, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố Hải phòng tại <http://csdl.haiphong.edu.vn> tiếp tục được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời;

được kết nối và chia sẻ hiệu quả với hệ thống quản lý dữ liệu tập trung của thành phố, các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng; 60% hồ sơ công việc tại các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 90%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 90%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến của thành phố tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

-100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục của thành phố được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

- Triển khai Trung tâm quản lý, điều hành giáo dục thông minh trên cơ sở kết nối cơ sở dữ liệu Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, các phần mềm giáo dục khác đồng thời tích hợp trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ ra quyết định.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Sở giáo dục và đào tạo và các đơn vị giáo dục trên địa bàn thành phố; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có

chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên.

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy, học

Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI)) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục (bao gồm: bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng hệ thống tác nghiệp của Sở, cổng thông tin điện tử của ngành giáo dục thành phố.

c) Xây dựng công kiểm định chất lượng ngành giáo dục phục vụ chuyển đổi số trong công tác kiểm định chất lượng tại các đơn vị giáo dục, tiến tới mục tiêu quản lý kiểm định chất lượng không sử dụng giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý của các đơn vị.

d) Tăng cường triển khai dịch vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số kết nối thông tin hai chiều giữa gia đình và nhà trường thông tin qua OTT (Over The Top) theo quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 về việc ban hành bộ chỉ số đánh giá mức chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và Công văn số 3277/SGDĐT-VP về việc triển khai phần mềm truyền thông giáo dục hỗ trợ công tác chỉ đạo điều hành ngành GD&ĐT.

đ) Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục áp dụng giải pháp thanh toán học phí và

các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL Ngành và Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh Thành phố.

e) Khuyến khích các đơn vị triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn an ninh trong môi trường giáo dục nhằm mục tiêu “Cổng trường thông minh” bằng các giải pháp Kiểm soát vào ra bằng thẻ, nhận diện khuôn mặt, điểm danh tự động...

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Rà soát, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lĩnh vực GDĐT áp dụng lên Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến thành phố với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số và đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục thành phố (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, ...).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GDĐT, Sở GDĐT đến Bộ GDĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục thành phố với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT, cơ sở dữ liệu tập trung của thành phố phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Xây dựng và phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan Sở GDĐT, phòng GDĐT và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

- c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục
- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;
 - Trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thành phố, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.
 - Tăng cường ứng dụng AI trong việc hỗ trợ ra quyết định, lập kế hoạch, quản trị điều phối nguồn lực, nhân sự, đánh giá học sinh – giáo viên, truyền thông và xây dựng thương hiệu, tài chính, cơ sở vật chất... nhằm tiết kiệm thời gian, giảm sai sót, nâng cao chất lượng giáo dục.
- d) Xây dựng môi trường số kết nối
- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục theo chỉ đạo của Bộ GDĐT;
 - Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)

- a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GDĐT đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và toàn xã hội;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế, tại một số cơ sở giáo dục, quận, huyện có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo tất cả các giáo viên có hồ sơ và tài khoản

sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

c) Tiếp tục triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học – công nghệ - kỹ thuật – toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính, AI phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số;

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của thành phố theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi;

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố;

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng,...) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy, học trong các nhà trường.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Rà soát, xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục,

nhân viên và người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan quản lý trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục và đào tạo thành phố; ban hành các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố;

c) Ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách Internet giáo dục trên địa bàn thành phố;

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tại các địa phương, đơn vị trên địa bàn thành phố; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

(Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Phụ lục I kèm theo văn bản này)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hằng năm chi cho ngành GDĐT theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch. Kinh phí vốn từ doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đồng chí Giám đốc Sở GDĐT

Chỉ đạo chung việc triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải

Phòng lộ trình năm 2025 và những năm tiếp theo đảm bảo đúng tiến độ và các qui định hiện hành.

2. Các đồng chí Phó Giám đốc

- Trực tiếp chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng Kế hoạch và đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo các phòng phụ trách đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp để Kế hoạch được triển khai đúng tiến độ.

4. Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học

- Là đơn vị đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tham mưu báo cáo gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc cần đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của thành phố và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

5. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Chịu trách nhiệm về các hoạt động đảm bảo kinh phí, thanh quyết toán kịp thời, đúng qui định để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo đúng Kế hoạch.

- Tham mưu các thủ tục lựa chọn đối tác triển khai các nhiệm vụ (tại Phụ lục 1 Kế hoạch này) đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện địa phương và đúng qui định hiện hành.

6. Các phòng: Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học, Tổ chức - Hành chính, Quản lý chất lượng

- Có trách nhiệm tham mưu về mặt chuyên môn và các nội dung liên quan để triển khai Kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả;

- Phối hợp với phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học cùng các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp.

8. Thanh tra Sở

Phối hợp với phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học, các phòng trực thuộc Sở và các đơn vị liên quan giám sát các qui trình triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng qui định.

9. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện

Tham mưu với Ủy ban nhân dân quận/huyện, Sở GDĐT về các điều kiện để triển khai Kế hoạch tại địa phương; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp trong việc triển khai các nhiệm vụ Kế hoạch.

10. Các cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố.

Triển khai các nhiệm vụ (tại Phụ lục I - Kế hoạch này) theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân quận/huyện đảm bảo các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện, các đơn vị trực thuộc chủ động triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và Đại học, điện thoại 0936001379) để giải quyết kịp thời.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBNDTP (để báo cáo);
- Các phòng trực thuộc Sở;
- Phòng GDĐT quận/ huyện và TP Thủy Nguyên;
- Trường THPT trực thuộc;
- TT GDTXHP, TTGDNN-GDTX quận/huyện và TP Thủy Nguyên; các CSGD NN;
- TTKTTHHN&BDNG;
- Lưu: VT, GDTX, GDNN&ĐH

Bùi Văn Kiệm

PHỤ LỤC I
DANH MỤC VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN “TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
GIAI ĐOẠN 2022-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030” TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
LỘ TRÌNH NĂM 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thực trạng triển khai	Dự kiến kết quả triển khai	Phạm vi, quy mô			Bắt đầu triển khai (Dự kiến)
				Sở	PGD	Trường	
I	Quản lý giáo dục thông minh (trọng tâm là Trung tâm quản lý, điều hành giáo dục thông minh)						
	Mục tiêu: - Giúp UBND các cấp, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT quận/huyện quản lý, điều hành: + Nắm bắt tức thì số liệu, thông tin về cơ cấu, quy mô, các nguồn lực của ngành GD&ĐT; + Đánh giá được tình hình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, hoạt động của ngành GD&ĐT trong phạm vi quản lý; + Dự báo được các vấn đề, được trợ giúp, tư vấn những quyết định chỉ đạo GD&ĐT + Thực hiện các dịch vụ trực tuyến (các dịch vụ giáo dục, tuyển sinh đầu cấp) tới người dân và xã hội. - Giúp minh bạch hóa thông tin về nguồn lực, hoạt động và các quyết định quản lý, điều hành về GD&ĐT của UBND các cấp và các cơ quan quản lý giáo dục. - Xác định đánh giá xã hội, cơ sở về các chỉ đạo, quyết định của cơ quan quản lý giáo dục. - Kết nối, truyền tải các văn bản chỉ đạo điều hành tới các cơ sở cấp dưới.						
1	Trung tâm quản lý, điều hành giáo dục thông minh	Đã triển khai nội dung trình diễn nhanh các số liệu ngành GDĐT	- Kết nối CSDL GDĐT Hải Phòng và các phân hệ phần mềm quản lý chuyên môn khác; - Triển khai Mô đun phân tích, xử lý và cung cấp số liệu, thông tin phục vụ quản lý điều hành (BI)	X	X	X	2025

2	Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) GDĐT Hải Phòng	Hệ thống CSDL GDĐT Hải Phòng kết nối liên thông với Hệ thống CSDL GDĐT do Bộ GDĐT quản lý.	Thường xuyên cập nhật dữ liệu, cập nhật chức năng các phân hệ phát triển trên Hệ thống CSDL GDĐT Hải Phòng theo quy định của Bộ GDĐT	X	X	X	2019
3	Hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) ngành GDĐT hỗ trợ ra quyết định và các nghiệp vụ khác của ngành	Việc sử dụng AI chưa được thống nhất, theo nhu cầu riêng của từng đối tượng	- Hệ thống AI chuyên dụng được kết nối với CSDL GDĐT Hải Phòng và các phần mềm khác có liên quan để thực hiện truy cứu dữ liệu phục vụ quá trình ra quyết định. - Hệ thống hoạt động ưu tiên trên dữ liệu dùng chung toàn ngành.	X	X	X	2025
4	Hệ thống CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành GD thành phố	Đã triển khai thí điểm năm 2023, chính thức năm 2024 nhưng Hệ thống chưa đáp ứng được nhiều yêu cầu của ngành.	Hoàn thiện Hệ thống, kết nối với CSDL GDĐT Hải Phòng; triển khai đồng bộ giải pháp tất cả các cấp học đối với các cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập	X	X	X	2024
5	Cổng thông tin điện tử ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng	Đã triển khai tại Sở GDĐT và trên 827 cơ sở giáo dục thành phần.	- Tăng cường các giải pháp an toàn, an ninh dữ liệu; - Kết nối và chia sẻ dữ liệu đối với cổng thông tin thành phố.	X	X	X	2023
6	Triển khai mô hình cho phép giáo viên đăng nhập tài khoản Hệ thống CSDL GDĐT Hải Phòng thông qua VneID	- Chưa triển khai do hệ thống xác thực thành phố (IDP) chưa cho kết nối.	- Kết nối CSDL GDĐT Hải Phòng với hệ thống IDP thực hiện xác thực thông qua VneID	X			2025
7	Triển khai Hệ thống đăng		Trên nền tảng CSDL GDĐT Hải	X			2025

	nhập một lần (SSO) đối với các hệ thống phần mềm giáo dục trên hệ thống		Phòng, triển khai hệ thống đăng nhập 1 lần SSO đối với các phần mềm QLGD do Sở cho phép triển khai.				
8	Hệ thống quản lý các cuộc thi (Khoa học kỹ thuật, Học sinh giỏi, Toán và Khoa học kỹ thuật bằng tiếng Anh,...).		- Xây dựng các phân hệ phần mềm quản lý các kỳ thi: Khoa học kỹ thuật, Học sinh giỏi, Toán và Khoa học kỹ thuật bằng tiếng Anh,. - Sử dụng chữ ký số để xác thực các chứng nhận, chứng chỉ của các cuộc thi; - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng về dữ liệu học sinh, giáo viên.	X			2026
9	Triển khai hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ hiện đang lưu trữ tại Sở Giáo dục và Đào tạo	Hiện chưa có phần mềm quản lý, đang được kiểm tra thử công.	- Số hóa thông tin quản lý văn bằng từ 1970 đến nay, tương ứng với 1 triệu đối tượng. - Triển khai Hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ đáp ứng: + Quản lý dữ liệu số của Văn bằng, chứng chỉ + Phục vụ việc tra cứu của nhân dân + Phục vụ việc tra cứu của cơ quan chức năng	X			2026
10	Hệ thống công kiểm định chất lượng	- Đã thí điểm hệ thống tại một số cơ sở giáo dục;	Công kiểm định chất lượng ngành giáo dục phục vụ chuyên đổi số trong công tác kiểm định	X			2025

			chất lượng tại các đơn vị giáo dục, tiến tới mục tiêu quản lý kiểm định chất lượng không sử dụng giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý của các đơn vị. - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng nhằm truy suất thông tin về trường, lớp, đội ngũ và học sinh có liên quan. - Liên thông với phần mềm quản lý hồ sơ điện tử để lấy minh chứng. - Chuẩn hóa quy trình kiểm định đồng bộ và thống nhất.				
11	Hệ thống Phần mềm Quản lý thông tin Phổ cập giáo dục – Chống mù chữ	- Phần mềm do Bộ GDĐT triển khai đã dừng hoạt động từ năm 2020.	- Triển khai Phần mềm đáp ứng các chức năng: + Triển khai công tác thống kê từ cơ sở (cấp xã); + Cập nhật Đơn vị hành chính - trường học theo năm; + Tự động cập nhật thông tin mầm non, phổ thông; + Tự động cập nhật bậc tốt nghiệp; + Kiểm tra dữ liệu, đồng bộ danh sách học sinh từ CSDL GDĐT; + Thực hiện lên lớp, quản lý báo cáo, so dò báo cáo theo quy định;	X	X	X	2025

	- Giúp Hiệu trưởng quản lý, dự báo, điều hành toàn diện các hoạt động của nhà trường trên môi trường số (thông qua Trung tâm điều hành giáo dục thông minh của nhà trường) - Giúp các bộ phận quản trị, tổ chuyên môn của nhà trường quản lý, dự báo, điều hành hoạt động, chuyên môn trên môi trường số - Giúp Giáo viên xây dựng kế hoạch, quản lý, tổ chức các hoạt động dạy học, đánh giá, tương tác với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh trên môi trường số - Giúp Học sinh nắm bắt (lịch, kế hoạch) và tham gia các hoạt động học tập, tự chọn, ngoại khóa và hoạt động bán trú trong nhà trường trên môi trường số - Giúp Phụ huynh nắm bắt được đầy đủ thông tin về hoạt động, kết quả các hoạt động của HS; phối hợp với nhà trường triển khai các hoạt động GD cho HS; tương tác với GV, nhà trường thực hiện các hoạt động gia đình - nhà trường trên môi trường số - Công khai minh bạch thông tin về nguồn lực, hoạt động giáo dục, dịch vụ trực tuyến tới người dân và xã hội						
1	Hệ thống Quản lý trường học	100% các cơ sở giáo dục đã triển khai phân hệ QL Nhà trường trên nền tảng CSDL GDĐT Hải Phòng	- Tiếp tục triển khai Học bạ số các cấp theo quy định của Bộ GDĐT; - Cập nhật dữ liệu, chức năng hệ thống theo Quy định của Bộ GDĐT; - Tích hợp các Phân hệ QL chuyên môn khác phục vụ công tác đánh giá, thống kê của Nhà trường.	X	X	X	2019
2	Hệ thống điểm danh thông minh học sinh	Đã thí điểm tại một số cơ sở giáo dục	- Điểm danh học sinh tham gia các giờ học thông qua nhận diện khuôn mặt; - Kết nối với Hệ thống Quản lý trường học. - Từng bước xây dựng trường học thông minh.			X	2025

			- Chuyển đổi sổ trong công tác điểm danh học sinh, giáo viên không điểm danh bằng tay - Quản lý tổng quan sĩ số học sinh đi học nghỉ học kịp thời. - Cha mẹ học sinh nhận thông báo con đến trường rồi khỏi trường. - Đảm bảo công tác an toàn, an ninh trường học.				
3	Triển khai Mô hình chống gian lận thi cử qua thẻ CCCD (Mô hình 21)	- Đã thí điểm với 03 trường; đánh giá chưa phù hợp với quy chế hiện tại và xin phép dừng với các kỳ thi chính quy hiện tại.	- Thí điểm trong công đoạn xác thực học viên tham gia các kỳ thi cấp chứng chỉ do Sở quản lý (tại TT GDTX HP); - Nghiên cứu triển khai tại các trường phổ thông.			X	2025
4	Triển khai ký số trong ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm và học bạ nhằm đổi mới phương thức quản lý giáo dục, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ngành giáo dục.	- Chữ ký số (CKS) đã được cấp cho 100% GV, CBQL và thực hiện ký số trên hồ sơ chuyên môn, học bạ điện tử; - Thí điểm Học bạ số cấp Tiểu học với 100% các cơ sở giáo dục	- Thường xuyên rà soát chữ ký số đối với GV, CBQL. Từ năm 2027 triển khai CKS do ban cơ yếu chính phủ cấp. - Triển khai Học bạ số trong toàn ngành theo chỉ đạo của Bộ GDĐT; - Đổi mới phương pháp quản lý giáo dục tiến tới triển khai các dịch vụ giáo dục trực tuyến, trường học không giấy tờ			X	2023
4	Hệ thống quản lý hồ sơ chuyên môn của các cơ sở	- Phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn cấp phổ	- Tiếp tục triển khai phân hệ hồ sơ chuyên môn đáp ứng các yêu			X	2025

	giáo dục (cấp phổ thông)	thông triển khai tại Sở, PGD và các đơn vị giáo dục bậc TH, THCS, THPT. - Sử dụng chữ ký số để xác thực các hồ sơ chuyên môn của nhà trường, giáo viên; - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng về dữ liệu giáo viên.	cầu của ngành; - Kết nối với hệ thống SSO xây dựng trên nền tảng CSDL GDĐT Hải Phòng. - Liên thông với phần mềm kiểm định chất lượng để lấy minh chứng.				
5	Hệ thống thư viện điện tử	- Hiện tại Hệ thống thư viện điện tử chưa được triển khai đồng bộ; các cơ sở giáo dục chưa kết nối và chia sẻ tài nguyên.	- Thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục. - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng nhằm thống kê, báo cáo - Hệ thống tích hợp 3 phân hệ (theo thông tư 16/TT-BGDĐT) + Phân hệ quản lý thư viện truyền thống. quản lý sách giấy, mượn trả sách bằng thiết bị mã vạch, tổng hợp báo cáo thống kê theo chuẩn nghiệp vụ thư viện. + Phân hệ thư viện số: quản lý sách điện tử, sách nói, bài giảng điện tử, video, hình ảnh.			X	2025

			+ Liên thông thư viện: chia sẻ dữ liệu trường với trường, trường – phòng - sở.				
6	Hệ thống quản lý nhân sự	Đã triển khai theo hướng dẫn của Sở Nội vụ	Kết nối các thông tin nhân sự đối với hệ thống Quản lý Nhà trường.			X	2027
7	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin (máy tính, hạ tầng mạng, Internet) tại các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu về quản lý giáo dục, giảng dạy trực tuyến...	- Hạ tầng CNTT tại các cơ sở giáo dục cơ bản đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số của ngành.	Hàng năm: sửa chữa, nâng cấp: - Hệ thống máy tính phục vụ dạy và học: Mỗi phòng học phải có 01 bộ máy tính (máy tính, máy chiếu - tivi) được nối mạng để phục vụ việc dạy và học, đặc biệt đáp ứng thông số kỹ thuật dạy học trực tuyến. - Hạ tầng mạng, đường truyền Internet: Đảm bảo đường truyền internet tốc độ cao đáp ứng yêu cầu	X	X	X	2025
8	Xây dựng phần mềm lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mầm non		- Xây dựng phân hệ quản lý, lập kế hoạch chăm sóc trẻ mầm non triển khai tại Sở, PGD và các cơ sở GD mầm non - Sử dụng chữ ký số để xác thực các hồ sơ chuyên môn của nhà trường, giáo viên; Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng về dữ liệu giáo viên.			X	2026
12	Ứng dụng kết nối giữa gia	Các trường triển khai	Triển khai Ứng dụng kết nối đảm	X	X	X	2025

	đình và nhà trường.	các hệ thống với các nhà cung cấp khác nhau; chức năng tích hợp chưa đầy đủ.	bảo các chức năng: - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng và trung tâm điều hành của Thành phố. - Tra cứu kết quả học tập điểm số 12 năm học của học sinh - Trao đổi thông tin 2 chiều, đăng tải hình ảnh hoạt động của lớp học và nhà trường. - Giao kế hoạch học tập. - Học trực tuyến. - Tích hợp thư viên số. - Tích hợp thanh toán khoản thu không dùng tiền mặt. - Tích hợp thực đơn bữa ăn. - Tích hợp điểm danh chuyên cần, xin nghỉ học trực tuyến.				
13	Truyền thông giáo dục trên mạng xã hội	- Ngành GDĐT đang duy trì các kênh truyền thông trên mạng Xã hội gồm: Fanpage Sở và các trường ,02 cộng đồng Học sinh khởi nghiệp sáng tại và Giáo viên tâm huyết sáng tạo với gần 20.000 tài khoản tham gia. - Với Fanpage Sở đã thu hút 18.000 người theo	Tăng cường truyền thông trên mạng xã hội với các tài khoản được định danh nhằm cung cấp thông tin chính xác về các quy định, chính sách của ngành nhằm tạo sự đồng thuận xã hội.	X	X	X	2025

		dõi và hơn 2.000 người quan tâm theo dõi trên kênh Zalo.					
	Dạy học thông minh (trọng tâm là Lớp học thông minh và dạy học trực tuyến) Mục tiêu: Xây dựng một môi trường, hệ sinh thái số giúp tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động dạy và học trong nhà trường.						
1	Hệ thống quản lý học và thi trực tuyến cho giáo viên và học sinh phục vụ cho toàn ngành.	- Hiện trạng: việc dạy và học trực tuyến chủ yếu là phần mềm MS Teams, google meet, zoom,.. miễn phí rời rạc; không tích hợp với CSDL GDĐT Hải Phòng; khó khăn trong công tác tổng hợp, thống kê kết quả học tập của học sinh, ...	- Hệ thống quản lý học và thi trực tuyến cho giáo viên triển khai trong toàn ngành đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp với CSDL GDĐT Hải Phòng; giúp xây dựng Kho học liệu điện tử, học liệu mở, Ngân hàng câu hỏi, Ngân hàng đề thi của Sở, Phòng, Trường, giúp giáo viên, học sinh trong việc học, ôn tập và kiểm tra chất lượng, thi lấy điểm chính thức bằng hình thức trực tuyến trên quy mô toàn ngành; - Sử dụng chữ ký số để xác thực các nguồn học liệu số của giáo viên, kết quả đánh giá năng lực; - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng về dữ liệu học sinh, giáo viên.			X	2025
2	Triển khai Mô hình lớp học thông minh	Một số cơ sở giáo dục đã triển khai các phòng học thông minh tuy nhiên	Phấn đấu 30% các trường phổ thông được triển khai phòng học thông minh với các tiêu chí:			X	2025

			- Về hạ tầng công nghệ và thiết bị: + 100% các phòng học thông minh được trang bị màn hình tương tác, bảng thông minh, máy chiếu, hệ thống âm thanh và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại. + Kết nối internet tốc độ cao tại tất cả các phòng học thông minh. + Ứng dụng phần mềm dạy học thông minh để hỗ trợ giáo viên soạn giảng, tương tác và quản lý lớp học. + Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu để theo dõi tiến độ học tập của học sinh, đề xuất lộ trình học tập phù hợp. + Người học có thể sử dụng các thiết bị thông minh để tương tác và tham gia trực tiếp bài học. - Về đào tạo giáo viên và quản lý: + 100% giáo viên dạy tại phòng học thông minh được tập huấn sử dụng công nghệ và phần mềm hỗ trợ giảng dạy. + Ít nhất 80% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ trong soạn giảng, kiểm tra đánh giá				
--	--	--	--	--	--	--	--

			học sinh và tổ chức lớp học hiệu quả. + Ban giám hiệu, tổ chuyên môn được đào tạo về quản lý và vận hành hệ thống phòng học thông minh. - Về ứng dụng trong giảng dạy và học tập: + 100% học sinh được tham gia học tập tại lớp học thông minh; + Tăng ít nhất 30-50% số tiết học sử dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy so với trước khi triển khai.				
3	Studio phục vụ xây dựng bài giảng trực tuyến		Phấn đầu 10% các trường phổ thông được triển khai phòng học thông minh với các tiêu chí: + Được trang bị các thiết bị, phần mềm chuyên dụng thực hiện quay phim, dựng hình phù hợp. + Có cán bộ kỹ thuật được đào tạo có thể trực tiếp vận hành Studio. + Studio có thể được sử dụng theo nhu cầu của các đơn vị khác trong ngành.			X	2027
4	Phòng học Stem chuyên dụng		70% các trường phổ thông được trang bị phòng học Stem chuyên dụng với các tiêu chí: - Không gian và thiết kế phòng			X	2026

			học: + Có diện tích đủ rộng để bố trí bàn ghế linh hoạt cho hoạt động nhóm, thí nghiệm, chế tạo. + Không gian linh hoạt, có thể thay đổi cấu trúc theo từng dự án. - Trang thiết bị & công nghệ hỗ trợ: + Máy tính & phần mềm chuyên dụng được kết nối mạng internet. + Thiết bị Stem theo từng lĩnh vực; - Về nhân sự: + Có giáo viên được đào tạo làm chủ phòng Stem chuyên dụng; - Về ứng dụng trong giảng dạy và học tập: + 100% học sinh được tham gia học tập tại lớp học thông minh;				
5	Hệ thống kho học liệu số của ngành.	Hiện chưa có Hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng; các cơ sở giáo dục phát triển kho học liệu số tự phát, chưa đồng bộ và thống nhất;	- Xây dựng Kho học liệu điện tử, học liệu mở, Ngân hàng câu hỏi, Ngân hàng đề thi, bài giảng điện tử, thí nghiệm ảo, của Sở, Phòng, Trường, giúp giáo viên, học sinh trong việc học, ôn tập và kiểm tra chất lượng, thi lấy điểm chính thức bằng hình thức trực tuyến trên quy mô toàn ngành; - Sử dụng chữ ký số để xác thực			X	2025

			các nguồn học liệu số của giáo viên, kết quả đánh giá năng lực; - Liên thông với CSDL GDĐT Hải Phòng về dữ liệu học sinh, giáo viên. - Liên thông với hệ thống thư viện điện tử. Mục tiêu đến năm 2030 toàn ngành xây dựng được tối thiểu 50% nội dung chương trình GDPT số (được đưa lên kho).				
6	Phòng thực hành ảo		Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), mô phỏng 3D và các nền tảng trực tuyến để hỗ trợ học sinh thực hành, thí nghiệm các môn học chương trình GDPT 2018 theo quy định.			X	2026
7	Hệ thống camera trường học	Hiện đã được triển khai tại một số cơ sở giáo dục nhưng mới triển khai ở mức giám sát 24/7	- Giám sát 24/7: Camera hoạt động liên tục, giúp bảo vệ học sinh, giáo viên và tài sản nhà trường. - Phát hiện hành vi bất thường: Một số hệ thống tích hợp AI có thể nhận diện bạo lực học đường, đột nhập trái phép hoặc các hành vi nguy hiểm. - Báo động thời gian thực: Khi có sự cố, hệ thống gửi cảnh báo			X	2025

			đến bảo vệ, ban giám hiệu hoặc phụ huynh. - Liên thông hệ thống về cơ quan quản lý giáo dục.				
	Phát triển nhân lực số trong giáo dục <i>(trọng tâm là triển khai các Khung năng lực số đối với từng đối tượng)</i> Mục tiêu: Phát triển, triển khai các chương trình đào tạo về năng lực số đối với đội ngũ GV, CBQL, nhân viên và học sinh (học viên) các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố.						
1	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ GV, CBQL, GV ngành GDĐT.		- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ GV, CBQL, nhân viên; kiện toàn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách công tác chuyển đổi số trong ngành giáo dục. - Triển khai Hệ thống Đào tạo bồi dưỡng trực tuyến phục vụ công tác bồi dưỡng thường xuyên đảm bảo 100% GV, CBQL có thể tự bồi dưỡng chủ động, thường xuyên theo nhu cầu. - Tổ chức, hợp tác với các tổ chức giáo dục, doanh nghiệp triển khai các chương trình bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GV, CBQL về ứng dụng công nghệ số (AI, dữ liệu lớn,...) trong công tác quản lý và dạy học.	X	X	X	2025

2	Triển khai mô hình giáo dục tích hợp các lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học và Nghệ thuật (giáo dục STEAM/STEM) tại các cơ sở giáo dục, với trọng tâm là phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng số, lập trình robot và trí tuệ nhân tạo.		- Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEAM/STEM trong giáo dục phổ thông. - Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp tổ chức các chương trình đào tạo; - Khuyến các cơ sở giáo dục tham gia các cuộc thi về kỹ năng số, lập trình robot và trí tuệ nhân tạo do các cấp có thẩm quyền phát động (hoặc cho phép tổ chức).			X	2025
3	Triển khai đào tạo kỹ năng số đối với người học		- Phối hợp với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc để Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số đối với người học phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học; - Triển khai các chương trình đào tạo về nâng cao nhận thức trong chuyển đổi xanh, ứng dụng AI trong học tập...phù hợp với thực tế tại các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.			X	2025